TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU-TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 138 /2019/QĐST-HNGĐ	*Liên Chiểu, ngày 22 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Công văn số 310/TANDTC – PC ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản thuận tình ly hôn do Trung tâm hòa giải – đối thoại Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng lập ngày 12 tháng 7 năm 2019;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 247/2019/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Bà **Nguyễn Thị Thu H** – Sinh năm 1974.

Địa chỉ: K138/74/08 Hoàng Văn Thái, tổ 36 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

- Ông **Quách Văn M** – Sinh năm 1968.

Địa chỉ: K138/74/08 Hoàng Văn Thái, tổ 36 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Quách Văn M và bà Nguyễn Thị Thu H kết hôn năm 1999 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Thuận (cũ) nay là Ủy ban nhân dân phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông Quách Văn M và bà Nguyễn Thị Thu H về sinh sống tại số 155/9 Trưng Nữ Vương, quận H, thành phố Đà Nẵng. Đến năm 2013, vợ chồng ông M, bà H chuyển về sống tại tổ 36, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng cho đến nay. Trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có trách nhiệm với gia đình, tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống. Nay, ông Quách Văn M và bà Nguyễn Thị Thu H xác định tình cảm không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho thuận tình ly hôn.

Xét thấy, hôn nhân giữa ông Quách Văn M và bà Nguyễn Thị Thu H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và cả hai tự nguyên ly hôn. Do đó, áp dụng Điều 55 Luật HNGĐ chấp nhận yêu cầu của ông Quách Văn M và bà Nguyễn Thị Thu H về việc "Công nhận sự thuận tình ly hôn".

[2] Về con chung: Ông Quách Văn M và bà Nguyễn Thị Thu H xác nhận có 02 con chung tên Quách Hà Minh Hoàng – Sinh ngày 01.01.2000 và Quách Hà Minh Trang – Sinh ngày 14.11.2006. Ông Quách Văn M và bà Nguyễn Thị Thu H thỏa thuận:

Ông Quách Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Quách Hà Minh Tr cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà Nguyễn Thị Thu H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng *(Hai triệu đồng)* cho đến khi con đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Thời gian thực hiện cấp dưỡng nuôi con, kể từ tháng 8 năm 2019 và vào ngày 15 hàng tháng. Con chung tên Quách Hà Minh H1 – Sinh ngày 01.01.2000 đã đủ tuổi trưởng thành nên ông Minh và bà Hà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự đảm bảo quyền lợi chính đáng của các con, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Quách Văn M và bà Nguyễn Thị Thu H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Quách Văn M và bà Nguyễn Thị Thu H xác nhận không có.

[5] Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (b*a trăm nghìn đồng*) ông Quách Văn M và bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Quách Văn M và bà Nguyễn Thị Thu H thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn cấp ngày 09.02.1999 của Ủy ban nhân dân phường Hòa Thuận (cũ) nay là Ủy ban nhân dân phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về quan hệ con chung: Ông Quách Văn M và bà Nguyễn Thị Thu H xác nhận có 02 con chung tên Quách Hà Minh H1 – Sinh ngày 01.01.2000 và Quách Hà Minh Tr – Sinh ngày 14.11.2006. Ông Quách Văn M và bà Nguyễn Thị Thu H thỏa thuận:

Ông Quách Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Quách Hà Minh T cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà Nguyễn Thị Thu H1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng *(Hai triệu đồng)* cho đến khi con đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Thời gian thực hiện cấp dưỡng nuôi con, kể từ tháng 8 năm 2019 và vào ngày 15 hàng tháng. Con chung tên Quách Hà Minh H1– Sinh ngày 01.01.2000 đã đủ tuổi trưởng thành nên ông M và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày ông Quách Văn M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Thu H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng như đã thỏa thuận nêu trên thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán .

1.3. Về tài sản chung: Ông Quách Văn M và bà Nguyễn Thị Thu H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông Quách Văn M và bà Nguyễn Thị Thu H xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng y*) ông Quách Văn M và bà Nguyễn Thị Thu H chịu, được trừ vào số tiền

tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006299 ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

3**.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND phường Hòa Thuận Đông, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trương Thị Hồng Thủy